

Một số yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến hôn nhân xuyên biên giới của các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng Miến

Nguyễn Thắm Thu Hà, Sa Thị Thanh Nga

Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng Miến cư trú chủ yếu ở vùng biên giới Việt - Trung và có mối quan hệ dân tộc xuyên biên giới từ rất lâu đời. Do vậy, các trường hợp kết hôn xuyên biên giới ngày càng có xu hướng gia tăng. Nhiều yếu tố văn hóa như quan hệ cộng đồng, quan hệ hôn nhân, gia đình đã có những ảnh hưởng mạnh mẽ đến các cuộc kết hôn xuyên biên giới. Bên cạnh các cuộc kết hôn đồng tộc, trong những năm gần đây đã xuất hiện nhiều cuộc kết hôn khác tộc do tác động của các yếu tố hiện đại và toàn cầu hóa.

Từ khóa: Hôn nhân; Gia đình; Hôn nhân xuyên biên giới; Dân tộc thiểu số.

1. Khái quát về các tộc người nhóm Tạng Miến

Nhóm Tạng - Miến ở Việt Nam có 6 tộc người: Cống, Hà Nhì, La Hủ, Lô Lô, Si La, Phù Lá. Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009, cư dân nhóm Tạng - Miến có dân số cụ thể như sau: dân tộc Hà Nhì có 21.725 người, dân tộc Phù Lá 10.944 người, dân tộc La Hủ có 9.651 người, dân tộc Lô Lô có 4.541 người, dân tộc Cống có 2.029 người, dân tộc Si La có

709 người. Mỗi tộc người có nhiều nhóm địa phương khác nhau, cư trú lâu đời ở vùng biên giới phía Bắc nước ta. Do cùng sinh sống trên khu vực có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, môi trường sinh thái nên các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến có những nét đặc trưng chung trong đời sống kinh tế - văn hóa.

Các tộc người Tạng Miến thường cư trú thành từng bản riêng, xen kẽ với các tộc người khác như H'mông, Dao, Nùng... Tuy nhiên mỗi dân tộc đều có những vùng tự cư đông đảo của mình: Người Hà Nhì chủ yếu tập trung tại các xã Sín Thầu, Chung Chải, Ka Lãng, Thu Lùm thuộc huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Người La Hủ sinh sống chủ yếu tại các xã Pa Vệ Sủ, Pa Ủ, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Người Phù Lá sống tập trung ở huyện Bát Xát, Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang. Người Lô Lô sống chủ yếu ở các xã Hồng Trị, Đức Hạnh, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; xã Xín Cái, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang. Người Cống tập trung chủ yếu ở các bản Bo Lếch, Nậm Khao, Tác Ngá, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Người Si La sinh sống đông đảo ở xã Can Hồ, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Chính địa vực cư trú tập trung đã góp phần bảo lưu một số đặc trưng văn hóa truyền thống tộc người và nó cũng tạo sự ràng buộc về đồng tộc: dù ở cách xa nhau về địa lý nhưng họ vẫn dễ dàng nhận ra nhau qua những đặc điểm văn hóa chung (Đỗ Thị Hòa, 2004).

Về nguồn gốc lịch sử, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng các dân tộc nhóm Tạng Miến có nguồn gốc từ Trung Quốc, Lào, theo những cuộc thiên di đã đến định cư tại Việt Nam (Ban Dân tộc Tây Bắc, 1975; Viện Dân tộc học, 1978; Phạm Đăng Hiến, 2008; Vương Xuân Tình, 2011). Sau khi di cư đến Việt Nam, họ đã sớm hòa nhập và tạo dựng nên những nét văn hóa đặc trưng, mang đậm dấu ấn của cư dân Tạng Miến. Và cũng xuất phát từ những nguyên nhân lịch sử, hầu hết các tộc người thuộc nhóm Tạng Miến đều có nhiều mối quan hệ bền chặt với đồng tộc trong nước và cả ở bên kia biên giới.

Về kinh tế, các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng Miến chủ yếu canh tác nương rẫy và ruộng bậc thang. Ngoài cây lương thực chính là lúa (nếp, tẻ), ngô, họ còn trồng khoai, sắn và các loại cây khác như đậu, rau. Bên cạnh đó, họ chăn nuôi lợn, gà, chó, nuôi trâu làm sức kéo, nuôi ngựa để thô hàng và làm phương tiện đi lại. Do sản xuất và chăn nuôi chưa phát triển nên hái lượm, săn bắn và đánh cá chiếm vị trí quan trọng trong đời sống của các dân tộc nhóm Tạng Miến. Ngoài ra, họ còn phát triển những

nghề thủ công truyền thống như đan lát, dệt vải, làm đồ gỗ, rèn đúc kim loại, v.v. Các hoạt động trao đổi, mua bán hàng hóa ít phát triển, phổ biến là quan hệ trao đổi với các đồng tộc, khác tộc bên kia bên giới trong những ngày chợ phiên.

Về tổ chức xã hội, các tộc người nhóm ngôn ngữ Tạng Miến vẫn lấy làng bản làm đơn vị xã hội cơ sở. Hình thức gia đình phổ biến của họ là gia đình nhỏ mang tính phụ quyền, con cái theo họ cha, bố hoặc anh cả là người quyết định mọi công việc trong nhà, chỉ con trai mới có quyền thừa kế tài sản. Trong các mối quan hệ xã hội, các tộc người Tạng Miến vẫn giữ mối quan hệ làng bản, quan hệ gia đình là cơ bản, nhất là các mối quan hệ với đồng tộc trong cộng đồng cư trú cũng như đồng tộc ở bên kia biên giới.

Trải qua quá trình lịch sử, các tộc người nhóm Tạng Miến đã dần hòa nhập vào cộng đồng các dân tộc ở nước ta. Tuy vậy, quan hệ cư dân hai bên biên giới đã có từ lâu đời, cùng với phong tục tập quán có nhiều nét tương đồng, các tộc người thuộc nhóm Tạng Miến vẫn duy trì mối quan hệ với những người đồng tộc bên kia biên giới trên nhiều phương diện với mức độ đậm nhạt khác nhau. Như vậy, có thể thấy, các yếu tố vị trí địa lý, kinh tế, văn hóa xã hội và điều kiện lịch sử có tác động mạnh đến quan hệ đồng tộc, thân tộc xuyên biên giới, trong đó có hôn nhân.

2. Đặc điểm văn hóa ảnh hưởng đến hôn nhân xuyên biên giới của nhóm Tạng Miến

2.1. Đặc điểm ngôn ngữ

Các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng Miến thường sử dụng thành thạo ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ của các tộc người khác có dân số đông trong vùng. Chẳng hạn người Lô Lô ở huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng cư trú gần người Nùng có thể nói thành thạo tiếng Nùng; ở huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang có thể nói thành thạo tiếng H'mông... Ngoài tiếng Lô Lô sử dụng trong nội cộng đồng, người Lô Lô còn thạo tiếng Tày, tiếng H'mông, tiếng Quan Hỏa (tiếng Trung Quốc phát âm theo kiểu thổ ngữ của các tộc người thiểu số miền núi vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc). Kết quả điều tra ngẫu nhiên 10 hộ gia đình ở xóm Sảng Pả A, thị trấn Mèo Vạc, Hà Giang cho thấy, trong giao tiếp nội gia đình, có 2 gia đình chỉ dùng tiếng Lô Lô; trong số 8 gia đình còn lại ngoài tiếng Lô Lô là mẹ đẻ, có 2 gia đình có sử dụng tiếng phổ thông và tiếng H'mông, 1 gia

đình sử dụng tiếng Tày và H'mông, 1 gia đình sử dụng tiếng Tày và tiếng phổ thông, 4 gia đình có sử dụng tiếng H'mông. Theo cán bộ xã Xín Cái, phần đông đàn ông lớn tuổi người Lô Lô trong xã đều nói được tiếng H'mông và tiếng Trung Quốc (và họ sử dụng tiếng này thành thạo hơn tiếng phổ thông). Trong môi trường cư trú sát biên giới Việt-Trung và gần 80% dân cư là người H'mông của huyện Mèo Vạc, sự hiểu biết ngôn ngữ như vậy là điều dễ hiểu. Như vậy, các chỉ số về sử dụng ngôn ngữ trong gia đình, trong giao tiếp xã hội, về quan hệ cá nhân của các đại diện Lô Lô với người khác tộc cho thấy người Lô Lô tiếp cận khá hài hòa với môi trường xã hội - tộc người nơi họ cư trú (Phạm Đăng Hiến, 2008).

Ở Y Tý, một số người Hà Nhì có thể nói tiếng H'mông, tiếng Dao, tiếng Việt và tiếng Quan Hỏa. Những năm 60 của thế kỷ XX, tiếng Quan Hỏa là ngôn ngữ giao tiếp chính cho cả tộc người sinh sống ở trong vùng, kể cả bên kia biên giới. Trong một thời gian dài, tiếng Quan Hỏa là ngôn ngữ có ưu thế ở vùng biên giới Việt - Trung (Chu Thái Sơn, 1985:58-62). Dọc vùng biên giới ấy, cho đến đầu những năm 90 của thế kỷ trước, tiếng Quan Hỏa vẫn được sử dụng phổ biến như ở người Phù Lá, Lô Lô, Hà Nhì, La Hủ, Hán ở vùng biên giới các tỉnh Lai Châu, Lào Cai... (Vương Xuân Tinh, 1996:222). Hiện nay, với việc lấy tiếng Việt là ngôn ngữ phổ thông thì tiếng Quan Hỏa mới dần suy giảm vai trò. Tuy nhiên, nhiều phụ nữ Hà Nhì giáp biên giới vẫn nói tiếng Quan Hỏa rất tốt bởi họ thường xuyên qua lại buôn bán ở chợ bên Trung Quốc. Như vậy, ngôn ngữ người Hà Nhì sử dụng trong quan hệ dân tộc xuyên biên giới vẫn là đa ngữ. Ngoài tiếng mẹ đẻ sử dụng với đồng tộc, tùy từng đối tượng cụ thể mà họ sử dụng linh hoạt các ngôn ngữ giao tiếp khác, trong đó có tiếng Quan Hỏa, H'mông, Dao... Đây là cơ hội tùy theo đối tác quan hệ làm ăn hay quan hệ hôn nhân là tộc người nào mà người Hà Nhì có thể linh hoạt trong việc chọn lựa ngôn ngữ giao tiếp cho phù hợp.

Việc sử dụng đa ngôn ngữ đã tạo thuận lợi đáng kể cho các tộc người nhóm ngôn ngữ Tạng Miến dễ dàng giao tiếp với các tộc người cùng cư trú trong vùng và các đồng tộc người ở Trung Quốc. Đó cũng là yếu tố thuận lợi cho các cuộc hôn nhân xuyên biên giới nảy sinh.

2.2. Tập quán trong hôn nhân, gia đình

Nguyên tắc hôn nhân của các tộc người nhóm Tạng Miến là hôn nhân đồng tộc người nhưng cấm kết hôn trong dòng họ. Do quy định bởi nguyên tắc hôn nhân kể trên, lại sống trong môi trường chứa phát triển

nên đến nay, hôn nhân của người Tạng Miến vẫn diễn ra chủ yếu giữa những người đồng tộc nhưng khác họ. Mỗi dân tộc có những luật tục, quy định riêng trong hôn nhân, song hình thức hôn nhân con cô con cậu (con trai của chị hoặc em gái lấy con gái của em trai hoặc anh trai) là hình thức hôn nhân phổ biến.

Trong bối cảnh nêu trên, hôn nhân xuyên biên giới với đồng tộc của người Hà Nhì ở Y Tý ngày càng phổ biến. Chẳng hạn, từ năm 2004 đến 2009, thôn Lao Chải 1 có tất cả 10 trường hợp phụ nữ lấy chồng đồng tộc ở Trung Quốc; riêng năm 2009 có 4 trường hợp. Quan hệ gia đình, dòng họ xuyên biên giới cộng thêm điều kiện làm ăn, buôn bán mở rộng khiến cho hôn nhân xuyên biên giới có cơ hội phát triển. Thêm nữa, theo tập quán Hà Nhì, nếu trai gái yêu nhau mà bố mẹ không đồng ý, chàng trai có quyền “bắt” cô gái về nhà mình rồi thông báo cho gia đình nhà gái sau. Bởi vậy, một số trường hợp phụ nữ Lao Chải 1 bị nam giới Trung Quốc “bắt” về làm vợ có thể trong bối cảnh này (Vương Xuân Tình, 2011).

Với người Si La, việc kết hôn với người khác dân tộc là điều cấm kỵ. Còn cùng một họ thì chỉ đến đời thứ 7 trai gái mới được lấy nhau. Nguyên tắc trong một họ không được lấy nhau mặc dù khác chi đã chi phối các quan hệ hôn nhân khác. Hôn nhân con cô con cậu, con dì con già được chấp thuận. Do vậy, ở người Si La, đại đa số các cuộc hôn nhân truyền thống được thực hiện trong phạm vi nội tộc người. Tuy nhiên, ngày nay dưới tác động của việc mở rộng giao lưu với bên ngoài, trai gái người Si La có thể lấy vợ, lấy chồng khác dân tộc mà không bị một ràng buộc luật tục nào. Điều đó đã tạo điều kiện cho các cuộc hôn nhân hỗn hợp tộc người ngày càng nhiều và đa dạng hơn về tộc người cũng như địa bàn.

Trước đây, người Lô Lô chỉ kết hôn với người cùng dân tộc, nhưng tránh kết hôn trong nội tộc dòng họ tính theo phụ hệ. Phong tục của người Lô Lô cho phép quan hệ hôn nhân con cô, con cậu. Đây là kiểu hôn nhân ưa thích của người Lô Lô vì họ quan niệm rằng hôn nhân như vậy quan hệ mẹ chồng nàng dâu sẽ dễ dàng hơn, thương nhau hơn và khi cưới hỏi không tốn nhiều đồ sính lễ. Tuy nhiên, luật tục chỉ cho phép mỗi thế hệ duy nhất một cặp hôn nhân theo kiểu này và không cho phép hôn nhân theo chiều ngược lại. Qua khảo sát của nhóm nghiên cứu ở xóm Cốc Xả Dưới, xã Hồng Trị, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng, phần lớn ý kiến của đại diện hộ cho rằng trong quan hệ hôn nhân, người Lô Lô ưu tiên chọn kết hôn con cô, con cậu. Còn số liệu điều tra 27 hộ gia đình Lô Lô tại xóm Cờ Tảng, xã Xín Cái (Hà Giang) cho thấy có tới 5 cặp hôn nhân kiểu này

(Phạm Đăng Hiến, 2008); bản Sảng Pả A, thị trấn Mèo Vạc (Hà Giang) có tới 8 cặp vợ chồng kết hôn theo hình thức trên. Bên cạnh đó, người Lô Lô chuộng hôn nhân giữa người đồng tộc và sống gần nhau. Điều đó đảm bảo sự hiểu biết không những tính nết và năng lực lao động của đối tượng hôn nhân mà còn là điều kiện để cha mẹ, gia đình, họ hàng đôi bên có thể hỗ trợ, giúp đỡ đôi vợ chồng trẻ cũng như giúp đỡ lẫn nhau. Đây là lý do cơ bản khiến tập quán kết hôn nội tộc của người Lô Lô vẫn được duy trì cho đến hiện nay. Trong trường hợp không tìm được vợ theo nguyên tắc kết hôn của tộc người, họ phải đi tìm vợ ở các cộng đồng đồng tộc ở xa hơn (tỉnh khác hoặc thậm chí ở bên Trung Quốc).

Tuy nhiên, trong quá trình cộng cư với các tộc người khác và chịu ảnh hưởng của xu hướng hiện đại hóa, hội nhập, người Lô Lô bắt đầu có xu hướng kết hôn khác tộc người. Hiện nay có một số ít trường hợp người Lô Lô kết hôn với những người khác tộc. Đây đều là những người Lô Lô đã thoát ly, hoặc đã có thời gian tham gia quân đội... Trong bối cảnh mở rộng quan hệ hiện nay, các cuộc hôn nhân đồng tộc người liên cộng đồng xóm, thậm chí xuyên biên giới có xu hướng ngày càng tăng.

Người La Hủ và người Phù Lá tuy không cấm kết hôn ngoài dân tộc nhưng lại cấm kết hôn trong cùng dòng họ. Người La Hủ quy định những người trong cùng một dòng họ là những người chung một họ: Pờ, Vàng, Phán... nên cho dù đôi trai gái là người khác nhóm, thậm chí khác dân tộc cũng không được phép kết hôn. Tuy vậy luật tục La Hủ lại cho phép kết hôn con dì con già, con cô con cậu và hôn nhân đối ngẫu giữa hai gia đình là thông gia (anh em trai nhà này lấy chị em gái nhà kia). Chính vì quan niệm như vậy nên hiện tượng hôn nhân cận huyết thống đã tồn tại trong cộng đồng La Hủ từ xưa đến nay (Đỗ Thị Túc, 2013:376). Người Phù Lá vẫn thích kết hôn với người cùng dân tộc hơn. Nếu như trước đây hôn nhân của con thường do cha mẹ sắp đặt thì nay con cái có quyền tự quyết định. Chính sự thay đổi quan niệm trong hôn nhân như vậy đã gieo mầm cho các cuộc hôn nhân khác tộc, hay hôn nhân xuyên biên giới.

2.3. Dòng họ

Mối quan hệ dòng họ đóng vai trò quan trọng trong đời sống của cư dân Tạng Miến. Do có nhiều nhóm địa phương nên mỗi dân tộc trong nhóm Tạng Miến có nhiều dòng họ riêng. Có những dòng họ lớn đông người, nhưng cũng có dòng họ nhỏ với dân số ít. Mỗi dòng họ thờ một vật tổ riêng, vật tổ có thể là những loài thú rừng, chim muông, cây cỏ.

Mối quan hệ dòng họ đóng vai trò chi phối quan hệ hôn nhân của các cư dân Tạng Miến.

Ở vùng giáp biên tỉnh Hà Giang, người Lô Lô vẫn có mối liên hệ mật thiết với họ hàng và đồng tộc (người Di) Ở Trung Quốc. Trước năm 1980, các gia đình Lô Lô thường xuyên đi lại thăm thân ở bên kia biên giới. Trong khoảng thời gian từ 1980 - 1990, các cuộc viếng thăm giảm đi khá nhiều do mối quan hệ hai nước. Từ sau Hiệp định biên giới được ký kết (1991), các quan hệ tộc người giữa hai đường biên giới Việt - Trung bắt đầu được phục hồi. Những năm gần đây, nhiều người Lô Lô ở xã Xín Cái, Thượng Phùng, huyện Mèo Vạc đã trở lại thăm người thân tại cộng đồng người Di ở bên kia thuộc huyện Phú Ninh, châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam. Những cuộc hôn nhân xuyên biên giới vắng bóng thời gian qua lại xuất hiện, một số phụ nữ người Lô Lô lấy chồng Trung Quốc và đó là tiền đề cho sự phát triển quan hệ họ hàng của người Lô Lô giữa đôi bên biên giới. Ví dụ như tại xóm Cờ Tăng, xã Xín Cái (xóm Lô Lô toàn phần) đã có 2 trường hợp lấy chồng người Trung Quốc, sang ở Trung Quốc. Hay ở huyện Bảo Lạc, người Lô Lô trước đây ít có quan hệ họ hàng truyền thống với bên kia biên giới. Nhưng mấy năm gần đây, quan hệ đang được gieo mầm nhờ một số cuộc hôn nhân giữa các cô gái người Lô Lô với nam giới Trung Quốc, đã có 4 cô gái người Lô Lô lấy chồng Trung Quốc năm 2007 (Phạm Đăng Hiến, 2008).

Nhiều gia đình người Hà Nhì ở Lao Chải 1 (Lào Cai) có họ hàng tại Trung Quốc chỉ cách nhau 2-3 đời. Một số người có chị em ruột sinh sống bên đó vẫn thường xuyên giữ liên lạc và qua lại thăm hỏi nhau. Chính điều này cũng đã góp phần thúc đẩy hôn nhân xuyên biên giới của tộc người này.

Người La Hủ theo chế độ hôn nhân ngoại tộc nhưng ít nhiều còn rộng rãi về quan hệ huyết thống. Việc cưới xin giữa những người cùng họ tuyệt đối bị nghiêm cấm, dù rằng những người này chưa từng quen biết và sống cách xa nhau. Con cô, con cậu hay con dì con già có thể lấy nhau theo hai chiều, không cấm con trai cậu lấy con gái cô như ở một số dân tộc khác vì một lẽ đơn giản là những người này không cùng một họ. Tóm lại là ngoài những người có chung một họ hoặc ngành họ, những người khác cùng một thế hệ và lứa tuổi đều có thể tự do kết hôn. Thêm nữa, họ có tâm lý thích lấy người cùng tộc người. Tuy tập quán không ngăn cấm kết hôn với người dân tộc khác nhưng điều này rất hiếm xảy ra bởi vì cuộc sống của họ cách đây chưa lâu vẫn hầu như biệt lập với bên ngoài. Có thể do tâm lý mặc cảm, tự ti cho rằng mình thấp kém hơn các tộc người xung

quanh nên không dám kết hôn với người khác tộc. Qua khảo sát hầu hết người La Hủ ở 2 bản Tân Biên và Pa Pủ chỉ kết hôn với người đồng tộc (Nguyễn Ngọc Tuấn, 1973). Tuy nhiên, hiện nay họ cũng đã mở rộng đối tượng hôn nhân. Ngoài việc kết hôn trong nội bộ tộc người ở nước ta, nhóm La Hủ đen và vài ngành họ La Hủ có gốc Hà Nhì còn mở rộng quan hệ hôn nhân với người Hà Nhì ở nước láng giềng. Sở dĩ như vậy vì họ có nhiều nét gắn bó về lịch sử và văn hóa xã hội với nhau.

Hay đối với người Si La, dòng họ là một hình thức tôn tộc khép kín, tính theo dòng cha. Cho đến nay, các dòng họ của người Si La không còn có vai trò quyết định trong các hoạt động kinh tế. Tuy nhiên, trong quan hệ hôn nhân, dòng họ là yếu tố đầu tiên được xem xét để xác định tính hợp lý, hai người chỉ có thể kết hôn nếu thuộc hai dòng họ khác nhau. Tổ chức dòng họ của người Si La khá chặt chẽ, có quy ước và hương ước riêng nhằm xử phạt nghiêm minh với những ai làm tổn hại đến danh dự của dòng họ.

Như vậy, mối quan hệ huyết thống và thân thích ở bên kia biên giới đã tạo nên sợi dây liên kết giữa các gia đình, các dòng họ, các thế hệ người dân và cộng đồng với nhau. Quan hệ họ hàng của các tộc người thuộc nhóm Tạng Miến thường được duy trì thông qua các hoạt động thờ tự, hiếu hỉ và được phát triển nhờ các cuộc hôn nhân. Nói cách khác, những quan hệ huyết thống và thân thích được duy trì, củng cố chủ yếu bởi tình cảm và trách nhiệm tâm linh.

2.4. Phong tục, tập quán khác

Tập quán trong đời sống sản xuất, trao đổi và buôn bán hàng hóa

Do có nguồn gốc lịch sử từ Trung Quốc nên các tộc người nhóm Tạng Miến, đặc biệt những tộc người sống gần biên giới như Hà Nhì, Lô Lô... hầu như đều có mối quan hệ họ hàng với người đồng tộc bên kia biên giới. Với hệ thống thân tộc gần gũi, họ đã hình thành tập quán trao đổi, buôn bán hàng hóa. Chính hoạt động trao đổi xuyên biên giới của các cư dân địa phương đã không chỉ duy trì các quan hệ tộc người mà còn làm phong phú thêm bản sắc văn hóa đa dạng của họ (Nguyễn Thị Lê, 2010). Chẳng hạn như người Lô Lô ở các xóm Cờ Tảng, Mè Năng cũng như người dân giáp biên giới thuộc xã Xín Cái, huyện Mèo Vạc, Hà Giang do có sẵn quan hệ họ hàng và do đường sá thuận tiện, thường qua lại mua bán ở chợ Xín Cái (Hà Giang), xã Thàng Peng ở bên kia biên giới và người Trung Quốc cũng thường xuyên sang chợ này trao đổi hàng hóa hoặc nông sản vào các

ngày chợ phiên. Hoặc người Lô Lô ở Bảo Lạc tiêu thụ một số sản phẩm lâm sản (hạt trâu, quế, thảo dược...) thông qua trung gian người Nùng ở Quý Châu, người H'mông ở Trung Quốc (Phạm Đăng Hiến, 2008).

Ngoài ra, với tâm lý rụt rè, ngại đi xa, người Lô Lô nói riêng và các tộc người thuộc nhóm Tạng Miến nói chung thường dựa vào quan hệ với các tộc người khác là láng giềng trong nội địa và bên kia biên giới để tìm việc làm theo mùa vụ, thời gian và công xá tùy theo thỏa thuận của đôi bên. Tuy nhiên, do công lao động trong nước thấp hơn nên đại đa số người Lô Lô có nhu cầu đi làm thuê ở bên kia biên giới. Ở xã Hồng Trị, huyện Bảo Lạc (Cao Bằng) cũng như ở xã Xín Cái, huyện Mèo Vạc (Hà Giang) hàng năm có hàng trăm lượt người Lô Lô đi làm thuê dài ngày ở Trung Quốc. Điều tra thực địa tại xóm Cốc Xả năm 2008 cho thấy 21 trường hợp đi làm thuê, 9 trường hợp xác định đi làm thuê ở Trung Quốc và thường đi làm từ 2-6 tháng mới về nhà. Điều này cho thấy sức hấp dẫn của thị trường lao động ngoại biên và định hướng tìm kiếm thu nhập của người Lô Lô trong môi trường kinh tế - xã hội mới đang được hình thành ở vùng biên giới Việt - Trung (Phạm Đăng Hiến, 2008).

Không chỉ người Lô Lô, người Hà Nhì cũng thường xuyên trao đổi, buôn bán với các tộc người bên Trung Quốc. Theo kết quả điều tra ở hai xã Sín Thầu (Mường Nhé, Điện Biên) và Y Tý (Bát Xát, Lào Cai) số người Hà Nhì buôn bán xuyên quốc gia chiếm số lượng lớn. Trong 65 hộ được điều tra thường xuyên tham gia buôn bán xuyên biên giới Việt - Trung có tới 7 hộ người Hà Nhì. Việc mua bán xuyên quốc gia của người Hà Nhì chủ yếu vẫn dựa vào các tập quán truyền thống thể hiện ở chỗ, để có tiền mua các thứ cần thiết, hầu hết họ chỉ bán các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, săn bắt hoặc hái lượm từ rừng. Đây là yếu tố kích thích họ tiến hành trao đổi buôn bán hoặc tìm kiếm việc làm, hôn nhân với người đồng tộc và khác tộc ở bên ngoài nước Việt Nam (Lý Hành Sơn, Trần Thị Mai Lan, 2014).

Thêm nữa, tập quán hỗ trợ nhân lực và trao đổi, học hỏi kinh nghiệm trong sản xuất trên cơ sở mối quan hệ họ hàng huyết thống và thông gia của người dân các tộc người ở hai bên biên giới cũng diễn ra từ lâu và hiện nay vẫn còn được duy trì.

Như vậy, thông qua các chợ phiên để trao đổi, buôn bán hàng hóa cũng như tìm kiếm việc làm cùng với quan hệ gia đình và dòng họ tiếp tục gia tăng, các mối quan hệ xã hội ngày càng được mở rộng, không chỉ có đồng

tộc mà cả khác tộc, đã tạo tiền đề để các cuộc hôn nhân xuyên biên giới nảy sinh trong cộng đồng các tộc người nhóm Tạng Miến.

Sử dụng các sản phẩm và dịch vụ văn hóa

Bên cạnh các mối quan hệ tộc người xuyên quốc gia liên quan đến kinh tế, khi xem xét các yếu tố văn hóa tác động đến hôn nhân xuyên biên giới của các tộc người nhóm Tạng Miến, chúng ta không thể không đề cập đến thói quen tiêu dùng các sản phẩm và dịch vụ văn hóa.

Thói quen sử dụng sản phẩm tiêu dùng của người các tộc người nhóm Tạng Miến bị chi phối bởi sự phù hợp về văn hóa và có liên quan đến quan hệ dân tộc xuyên biên giới. Chẳng hạn như y phục có tính truyền thống của người Hà Nhì hầu như đều do Trung Quốc sản xuất và mua ở chợ Tỷ Sĩ Pờ. Ngoài quần áo, người Hà Nhì mua một số vật dụng của bộ trang phục ở bên kia biên giới như mũ trẻ em, vòng tay, vòng cổ, những đồng xu đính trên áo mũ... Các sản phẩm này được cộng đồng người Hà Nhì ở Việt Nam ưa chuộng vì giá thành rẻ và giống với mẫu mã trang phục truyền thống của họ (Vương Xuân Tình, 2011). Họ có thể trực tiếp mua tại các chợ giáp đường biên giới hợp ở Việt Nam, phía Lào, phía Trung Quốc hoặc thông qua người thân ở nước bạn mua hộ và mang sang trong những dịp viếng thăm nhau, tham dự các nghi lễ gia đình và cộng đồng (Lý Hành Sơn, Trần Thị Mai Lan, 2014).

Dịch vụ văn hóa có nhiều khía cạnh, song ở đây chỉ chú trọng việc dùng radio, tivi, sách báo, đầu đĩa và một số hoạt động khác có tác động đến quan hệ dân tộc xuyên biên giới của người dân, trong đó có hôn nhân. Ví dụ như người Hà Nhì ở Lao Chải 1 rất thích xem phim và ca nhạc Trung Quốc ghi trên đĩa VCD, DVD. Các loại đĩa này được bày bán nhiều ở chợ Tỷ Sĩ Pờ. Họ thích các đĩa phim có nội dung về văn hóa, đời sống của người Hà Nhì ở Trung Quốc như lễ tết, hội hè; thích các đĩa nhạc có lồng hình ảnh người ca người Hà Nhì, đặc biệt là đĩa của ca sĩ A Đư - người Hà Nhì ở Trung Quốc đã có tác động mạnh mẽ đến đời sống của người Hà Nhì ở Y Tý và một số nơi khác. Việc yêu thích, thần tượng A Đư cũng là nguyên nhân khiến nhiều cô gái Hà Nhì ở Y Tý muốn sang Trung Quốc tìm người yêu và lấy chồng. Họ hy vọng rằng ở bên đó họ sẽ có người yêu, người chồng lý tưởng. Cũng từ 2004, con gái Hà Nhì ở Y Tý thích sang Trung Quốc hơn, đến các phiên chợ Tỷ Sĩ Pờ, số lượng con gái đi nhiều hơn trước (Vương Xuân Tình, 2011:79). Tương tự như vậy, người Hà Nhì ở Sín Thầu (Mường Nhé, Điện Biên) cũng sử dụng khá phổ biến

các băng đĩa, phim ảnh và ca nhạc sản xuất ở Trung Quốc, họ mua băng đĩa này ở ngay chợ biên giới mới mở từ năm 2010 (Lý Hành Sơn, Trần Thị Mai Lan, 2014). Quan hệ văn hóa xuyên biên giới của người Hà Nhì đã góp phần giúp họ chia sẻ và giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống của chính dân tộc mình. Việc người Hà Nhì ở Lao Chải 1 ưa thích băng nhạc có chất liệu dân ca của ca sĩ Hà Nhì ở Trung Quốc chứng tỏ giữa họ với đồng tộc bên kia biên giới vẫn có nhiều điểm văn hóa tương đồng.

Việc tiếp thu các giá trị văn hóa bên kia biên giới cho thấy sự hòa hợp trong tâm lý của cư dân hai bên biên giới. Điều này đã tạo tiền đề và góp phần không nhỏ vào quá trình hình thành nhận thức cũng như những hiểu biết của người dân nhóm Tạng Miến, khiến cho họ cảm thấy gần gũi và có phần gắn bó, có tâm lý quen thuộc và muốn tìm hiểu về những người đồng tộc bên kia biên giới, đó cũng chính là một trong những yếu tố có tác dụng thúc đẩy và ảnh hưởng đến quan hệ hôn nhân xuyên biên giới.

Như vậy, việc lệ thuộc vào thị trường và dịch vụ văn hóa ở bên kia biên giới khiến người dân tại vùng biên giới Việt - Trung nói chung vẫn giữ gìn ý thức hướng về trung tâm văn hóa tộc người, ngưỡng mộ các thần tượng văn hóa của dân tộc mình. Thêm nữa là sự kết hợp với các yếu tố khác như gia đình, dòng họ, quan hệ bạn bè... sẽ tạo nên sự cố kết tộc người xuyên biên giới.

Các yếu tố văn hóa khác như lễ hội, tang ma, đám cưới

Bên cạnh những yếu tố trên, mảng văn hóa liên quan đến tín ngưỡng và chu kỳ đời người cũng có ảnh hưởng nhất định đến quan hệ hôn nhân xuyên biên giới của nhóm Tạng Miến. Nhiều người, nhiều gia đình có quan hệ thân thiết vẫn thường xuyên qua lại đường biên giới để viếng thăm nhau, nhất là mời nhau đến tham dự các lễ hội và tết, đám cưới, lên nhà mới, tang ma... Các mối quan hệ mang tính tập quán xuất hiện với mức độ khác nhau đối với các tộc người sinh sống ở hai bên biên giới Việt - Lào, Việt - Trung. Tuy nhiên, thông qua việc thực hành các nghi lễ ấy, các tộc người nhóm Tạng Miến vẫn có tập quán tương trợ nhau từ phía họ hàng, cộng đồng làng bản và bạn bè, thậm chí có cả người ở các thôn bản lân cận, người từ bên kia đường biên giới. Trên cơ sở đó, góp phần duy trì và mở rộng các mối quan hệ huyết thống, thông gia trong phạm vi vùng biên và ở sâu trong nội địa phía Việt Nam cũng như ở bên kia đường biên giới, đồng thời tạo điều kiện cho các quan hệ liên quan đến trao đổi làm ăn, trao đổi mua bán với các cá nhân đồng tộc và khác tộc ở bên này, bên

kia đường biên giới quốc gia (Lý Hành Sơn, Trần Mai Lan, 2014).

Một vài nhận xét

1. Đặc điểm trong hôn nhân gia đình của các dân tộc Tạng Miến, trong đó nổi lên ở một số tộc người như Lô Lô, Hà Nhì còn lưu giữ đậm nét những tập quán truyền thống trong kết hôn đồng tộc. Các phong tục tập quán, mối quan hệ trong hôn nhân là sợi dây ràng buộc khiến cho các tộc người Tạng Miến vẫn duy trì quan hệ hôn nhân đồng tộc. Ngày nay, trong bối cảnh hiện đại hóa và hội nhập, quan hệ hôn nhân này vẫn còn phổ biến trong các tộc người nhóm Tạng Miến, cùng với nó xu hướng kết hôn khác tộc và xuyên biên giới ngày càng trở nên rõ nét.

2. Qua nghiên cứu cho thấy, trong các đặc điểm văn hóa tộc người, các yếu tố ngôn ngữ, quan hệ, gia đình, dòng họ, quan niệm trong hôn nhân, sử dụng sản phẩm và dịch vụ văn hóa cùng tập quán trao đổi, buôn bán là điều kiện để phát triển các mối quan hệ hôn nhân của các tộc người nhóm Tạng Miến với những người đồng tộc và khác tộc ở bên này hay bên kia biên giới.

3. Kết hôn đồng tộc đã góp phần giúp họ chia sẻ và giữ gìn các đặc điểm văn hóa tộc người, đồng thời nâng cao vốn xã hội, thúc đẩy phát triển các hoạt động kinh tế như buôn bán, làm thuê, trao đổi sản phẩm, trợ giúp sản xuất... Tuy nhiên, bên cạnh mặt tích cực đó, hôn nhân đồng tộc qua biên giới cũng có những mặt trái, đó là việc gia tăng các mối quan hệ đồng tộc, thân tộc, kết nghĩa bạn bè vô hình chung tạo nên sự liên kết, cố kết tộc người xuyên quốc gia và người dân có thể hướng về người đồng tộc ở bên kia biên giới mà lu mờ đi ý thức quốc gia dẫn đến nảy sinh nguy cơ gây bất ổn chính trị - xã hội và an ninh quốc phòng ở vùng biên giới. ■

Tài liệu trích dẫn

- Ban Dân tộc Tây Bắc. 1975. *Các tộc người ở Tây Bắc Việt Nam*. Ban Dân tộc Tây Bắc xuất bản.
- Nguyễn Văn Căn. 2007. “Phong tục hôn nhân của người Lô Lô”. *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 70-73.
- Phùng Thị Dự. 2012. “Phong tục cưới xin của người La Hủ ở huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu (qua nghiên cứu tại hai bản Tân Biên và Pa Ủ, xã Pa Ủ)”. *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr.72-77.
- Ngô Lê Đăng. 2006. “Người Si La ở Lai Châu”. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt*

Nam, Số 6, tr.99-118

- Phạm Đăng Hiến. 2008. *Quan hệ tộc người của người Lô Lô trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới Việt - Trung hiện nay*. Đề tài cấp bộ lưu tại Thư viện Viện Dân tộc học, Viện Dân tộc học.
- Đỗ Thị Hòa. 2004. *Trang phục các tộc người nhóm ngôn ngữ Tạng-Miến*. Nxb. Văn hóa Dân tộc. Hà Nội.
- Lý Hành Sơn, Trần Thị Mai Lan. 2014. *Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của một số tộc người vùng miền núi phía Bắc*. Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ của Viện Dân tộc học.
- Nguyễn Ngọc Tuấn. 1973. *Nghi thức cưới hỏi và quan hệ hôn nhân của người La Hủ*. Tài liệu lưu tại Thư viện Viện Dân tộc học.
- Vương Xuân Tình. 2011. *Một số vấn đề cơ bản về dân tộc dưới tác động của sự phát triển biên giới Việt Trung*. (Nghiên cứu về người Hà Nhì ở một làng của tỉnh Lào Cai và một làng thuộc châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc). Đề tài cấp Bộ lưu tại Thư viện Viện Dân tộc học.
- Bùi Xuân Đỉnh, Nguyễn Ngọc Thanh. 2012. *Một số vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội ở các tỉnh biên giới Việt Nam*. Đề tài cấp Bộ lưu tại Thư viện Viện Dân tộc học.
- Viện Dân tộc học. 1978. *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.